

Rào cản thực hiện nghiên cứu khoa học đối với các nhà giáo lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp Y tế: Nghiên cứu cắt ngang tại Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa

Trần Thị Mỹ Tuyết¹, Nguyễn Hoàng Mỹ Thuyên^{*2}

¹ Email: mytuyet2101@gmail.com

* Tác giả liên hệ

² Email: thuyen268@yahoo.com

Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa
84 Quang Trung, thành phố Nha Trang,
tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

TÓM TẮT: Những trở ngại thực hiện nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp Y tế có thể cản trở công tác triển khai nghiên cứu để đạt kiến thức phục vụ đào tạo nhân lực y tế và cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe dựa trên chứng cứ khoa học. Bài viết tập trung đánh giá những rào cản thực hiện nghiên cứu khoa học của các nhà giáo Giáo dục nghề nghiệp Y tế đáp ứng tiêu chí nghiên cứu và đề xuất giải pháp khắc phục. Số liệu được thu thập sử dụng bộ câu hỏi khảo sát 05 mức độ đánh giá gồm 51 câu bao phủ 06 nhóm rào cản: Cá nhân, nghề nghiệp, cơ sở vật chất, tài chính, chuyên môn nghiệp vụ nghiên cứu khoa học và rào cản thuộc về quản lí - tổ chức. Kết quả nghiên cứu cho thấy, 06 nhóm rào cản có tác động từ mức trung bình đến cao, trong đó các rào cản cơ sở vật chất ở mức cao nhất. Ngược lại, các rào cản chuyên môn nghiệp vụ nghiên cứu khoa học thấp nhất, phản ánh các khó khăn từ cơ sở vật chất đến kiến thức, kinh nghiệm, kĩ năng nghiên cứu đã cản trở các nhà giáo Giáo dục nghề nghiệp Y tế tham gia nghiên cứu khoa học. Những phát hiện của nghiên cứu này gợi ý ưu tiên giải pháp cải thiện năng lực cơ sở vật chất, hỗ trợ ngân sách cho công tác nghiên cứu khoa học, nâng cao năng lực nghiên cứu cho các nhà giáo.

TỪ KHÓA: Rào cản, nghiên cứu khoa học, giáo dục nghề nghiệp, y tế, kĩ năng.

→ Nhận bài 04/01/2024 → Nhận bài đã chỉnh sửa 22/02/2024 → Duyệt đăng 15/5/2024.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12410510>

1. Đặt vấn đề

Nghiên cứu khoa học là cơ sở đạt được kiến thức hướng tới mục đích phát triển cộng đồng và thế giới, giúp con người tiếp cận được những kiến thức khoa học xác thực từ các nghiên cứu hiện có, nhận biết được kiến thức mới hay kiểm chứng lại kiến thức [1], [2]. Trong lĩnh vực nghiên cứu sức khỏe và thực hành y học, khi nhu cầu thực hành dựa trên chứng cứ được nhấn mạnh, vai trò của nghiên cứu khoa học càng được chú trọng và thúc đẩy thực hiện nhằm cung cấp những chứng cứ cụ thể, thiết thực cho thực hành. Các trường, đơn vị đào tạo y khoa các cấp đang đương những nhiệm vụ chính bao gồm tạo ra kiến thức, chuyển giao kiến thức (đào tạo đội ngũ nhân lực y tế) và cung cấp những dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho xã hội. Việc thực hiện tối ưu bất kì nhiệm vụ nào đều cần nghiên cứu khoa học [3].

Tuy nhiên, việc thực hiện nghiên cứu gặp phải những thách thức đáng kể làm cản trở công tác triển khai nghiên cứu khoa học như khan hiếm các nguồn lực và kinh phí hỗ trợ nghiên cứu, thiếu động lực thực hiện, thiếu đào tạo, hướng dẫn và giám sát bài bản, hạn chế khả năng, kĩ năng và những trở ngại về tổ chức khi thu thập số liệu [1], [3], [4]. Xác định các trở ngại có thể tìm ra giải pháp phù hợp giải quyết vấn đề, đồng thời

hỗ trợ cho công tác nghiên cứu phát triển thuận lợi [3].

Đến nay, tại Việt Nam, các nghiên cứu định lượng và định tính khảo sát những rào cản thực hiện nghiên cứu khoa học được công bố trên các tập san khoa học trong và ngoài nước uy tín có bình duyệt. Những công bố này chú trọng khám phá các yếu tố thuộc về tổ chức và chính sách quy định của nhà trường mà chưa nhận biết các yếu tố thuộc về cấp khoa phòng, cấp cá nhân, hay khám phá yếu tố cá nhân thiên về tâm lí là chủ yếu [4], [5], [6], [7]. Ngoài ra, hầu hết báo cáo ngắn trình bày ý kiến các chuyên gia là giáo sư, tiến sĩ, nhà giáo, luận văn tốt nghiệp về nghiên cứu khoa học đăng trên cổng thông tin điện tử của trường nêu quan điểm chung chung về các vấn đề nghiên cứu khoa học, khó khăn với nghiên cứu khoa học cũng là kênh thông tin đáng chú ý cho những người làm nghiên cứu [8], [9].

Với những lí do trên, tác giả đã thực hiện nghiên cứu với mục đích đánh giá các rào cản trong việc thực hiện nghiên cứu khoa học theo quan điểm của các nhà giáo Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa, một trường đào tạo các ngành nghề Y tế trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp quốc gia và đề xuất giải pháp khắc phục rào cản. Các phát hiện từ nghiên cứu này chỉ ra những trở

ngại chiếm ưu thế khi thực hiện nghiên cứu khoa học, bổ sung đa dạng về những khó khăn đối với nghiên cứu khoa học ở nhiều đối tượng, ngành nghề. Từ đó xây dựng giải pháp khắc phục trở ngại, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học tại nhà trường cũng như trở thành cơ sở thông tin tham khảo cho các đơn vị đào tạo khác trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp muốn khắc phục khó khăn nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng thiết kế cắt ngang được thực hiện trong khoảng thời gian từ giữa tháng 5 đến giữa tháng 6 năm 2022. Mỗi đối tượng nghiên cứu chỉ được thu thập thông tin một lần và không theo dõi theo thời gian. Thiết kế nghiên cứu cắt ngang hữu dụng cho mục đích mô tả đặc điểm nhân khẩu học, các rào cản tác động thực hiện nghiên cứu khoa học của mẫu nghiên cứu và khảo sát mối tương quan giữa các biến số nghiên cứu.

2.2. Đối tượng nghiên cứu và cỡ mẫu

Nghiên cứu được thực hiện trên cỡ mẫu 83 giảng viên trong tổng số 102 người đang công tác tại Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa đáp ứng tiêu chí chọn vào nghiên cứu, bao gồm: 1) Họ đã được đào tạo (học) về phương pháp nghiên cứu khoa học, hoặc đã/đang chủ nhiệm ít nhất một đề tài nghiên cứu khoa học hoặc đã/đang tham gia vào một trong các hoạt động nghiên cứu khoa học (Như đánh giá tài liệu cho phân thu thập tài liệu xây dựng đề tài nghiên cứu, thu thập số liệu, phân tích số liệu, viết báo cáo đề tài, soạn bản thảo đăng báo trong và ngoài nước,...); 2) Sẵn sàng tự nguyện tham gia vào nghiên cứu.

2.3. Công cụ đo lường

2.3.1. Phiếu khảo sát đặc điểm nhân khẩu

Phiếu khảo sát của người tham gia nghiên cứu được thiết kế nhằm nhận biết các thông tin cá nhân và một số nội dung liên quan đến hoạt động nghiên cứu khoa học, đáp ứng mục đích nghiên cứu, bao gồm tuổi, giới tính, trình độ học vấn, trình độ chuyên môn, thời gian công tác tại nhà trường, hình thức đào tạo về phương pháp nghiên cứu khoa học, kinh nghiệm thực hiện, số lượng đề tài nghiên cứu khoa học đã/đang đảm nhiệm.

2.3.2. Bộ câu hỏi khảo sát rào cản đối với thực hiện nghiên cứu khoa học

Bộ câu hỏi được áp dụng trong nghiên cứu của Safdari và cộng sự (2018) gồm 51 câu bao phủ 06 lĩnh vực gồm rào cản cá nhân (8 câu), rào cản về nghề nghiệp (6 câu), rào cản về cơ sở vật chất (9 câu), rào cản về tài chính (7 câu), rào cản về chuyên môn nghiệp vụ nghiên cứu khoa học (9 câu), và rào cản về quản lý - tổ chức (12

câu) xây dựng theo thang đo Likert với điểm đánh giá cho mỗi câu hỏi tăng dần từ 1 (hoàn toàn không đồng ý) đến 5 (hoàn toàn đồng ý) [10]. Điểm số càng cao phản ánh mức độ nhận thức rào cản càng cao, cụ thể các rào cản cản trở thực hiện nghiên cứu khoa học ở mức thấp nhất khi điểm số trung bình từ 1.00 - 1.40, mức thấp vừa phải từ 1.41-2.60, mức trung bình từ 2.61-3.40, mức cao từ 3.41- 4.20, mức cao nhất từ 4.21-5.00, khoảng cách điểm giữa các mức độ dựa theo phân chia của Youthao [11]. Trong nghiên cứu này, bộ câu hỏi được chuyển ngữ tiếng Việt tuân thủ đúng quy trình dịch xuôi và ngược của Sousa và Rojjanasirrat (2011) [12]. Bộ câu hỏi được kiểm tra lại với độ tin cậy cao Cronbach alpha = 0.96, nghiên cứu của Safdari và cộng sự báo cáo Cronbach's alpha = 0.92. 05 chuyên gia đánh giá sự phù hợp nội dung, điển đạt, văn hóa, ngữ cảnh nghiên cứu với chỉ số đánh giá CVI = 1.0.

2.4. Biến số nghiên cứu

Rào cản trong việc thực hiện nghiên cứu khoa học được quy định là những yếu tố nội tại và ngoại tại làm cản trở hay gây khó khăn cho các nhà giáo đang làm việc tại Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa khiến họ không thể tham gia nghiên cứu khoa học. Các rào cản được khảo sát cho nghiên cứu này bao gồm: 1) *Các rào cản từ cá nhân*, là những khó khăn xuất phát từ cá nhân giảng viên như động lực làm nghiên cứu, mối quan tâm cá nhân về nghiên cứu, ý chí, sự cam kết..., 2) *Các rào cản về nghề nghiệp*, là những khó khăn xuất phát từ công việc hiện tại của giảng viên, 3) *Các rào cản về cơ sở vật chất*, là những khó khăn xuất phát từ thời gian dành cho nghiên cứu, công tác trợ giúp nghiên cứu, cơ sở dữ liệu tham khảo, hệ thống thông tin, thư viện, kết nối các tập san cho công bố nghiên cứu..., 4) *Các rào cản về tài chính*, là những khó khăn xuất phát từ tài chính, kinh phí cấp cho việc thực hiện nghiên cứu, giải ngân qua ý kiến của giảng viên, 5) *Các rào cản về chuyên môn nghiệp vụ nghiên cứu khoa học*, là những khó khăn xuất phát từ kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng, phương pháp thực hiện nghiên cứu của giảng viên, 6) *Các rào cản về quản lý - tổ chức*, là những khó khăn xuất phát từ cơ chế quản lý, cách thức tổ chức dành cho hoạt động nghiên cứu khoa học từ phía cơ quan chủ quản qua ý kiến của người tham gia nghiên cứu.

2.5. Thu thập số liệu

Số liệu nghiên cứu được thu thập trong 05 tuần với 01 trợ giúp viên điều tra đã qua huấn luyện thông tin nghiên cứu và các bước quan trọng của thu thập số liệu. Người tham gia tình nguyện, kí cam kết, hiểu rõ ràng vấn đề, nhận bộ câu hỏi khảo sát và tự điền, điều tra viên luôn sẵn sàng giải đáp các thắc mắc của người tham gia hoặc trực tiếp hoặc qua zalo, tin nhắn, cuộc

gọi. Thời gian hoàn thành trả lời bộ câu hỏi mất khoảng 30 phút. Một món quà nhỏ được gửi cảm ơn sự đồng ý và phối hợp của họ.

2.6. Phân tích số liệu

Số liệu được phân tích thông qua phần mềm thống kê khoa học xã hội SPSS phiên bản 23.0. Thống kê mô tả (tần suất-frequency, tỉ lệ-percentage, giá trị trung bình-mean, độ lệch chuẩn-standard deviation) được dùng để mô tả thông tin nhân khẩu học và các rào cản trong việc thực hiện nghiên cứu khoa học. Phân tích tương quan Pearson được dùng để xác định mối tương quan giữa trình độ học vấn, công việc chuyên môn và các rào cản.

2.7. Vấn đề đạo đức trong nghiên cứu

Nghiên cứu hiện tại đã được phê duyệt bởi Hội đồng khoa học thẩm định đề tài của Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa (Quyết định số 192/QĐ-CĐYT, ngày 28 tháng 02 năm 2022). Tất cả người tham gia vào nghiên cứu đều được thông tin, giải thích đầy đủ cụ thể về các vấn đề nghiên cứu, quyền lợi của họ được bảo vệ xuyên suốt quá trình tham gia. Tất cả người tham gia đồng ý kí vào giấy cam kết tham gia trước khi thu thập số liệu.

2.8. Kết quả nghiên cứu

2.8.1. Mô tả đặc điểm nhân khẩu học của mẫu nghiên cứu

Đa số người tham gia là nữ (79.5%); độ tuổi trung bình là 39.4 ± 5.5 tuổi, trẻ nhất 28 tuổi và cao nhất 55 tuổi; trình độ Thạc sĩ chiếm tỉ lệ cao nhất (60.2%), theo sau là Đại học (36.1%), Tiến sĩ (2.4%) và Cao đẳng (1.2%); đã kết hôn (86.7%); 77.1% nhà giáo làm việc tại khoa chuyên môn, 22.9% nhà giáo làm việc tại các phòng chức năng và tham gia giảng dạy; thâm niên công tác từ 4 đến 25 năm (trung bình 11.6 ± 4.3 năm). Phần lớn các nhà giáo (89.2%) cho biết, họ được học về phương pháp nghiên cứu khoa học trong chương trình đại học và sau đại học, số còn lại (10.8%) được đào tạo về phương pháp nghiên cứu khoa học sau khi vào làm việc tại nơi công tác hiện tại. 71.1% đã/đang chủ nhiệm chính đề tài nghiên cứu khoa học. Về kinh nghiệm nghiên cứu khoa học, có người chỉ mới thực hiện đề tài luận văn tốt nghiệp (69.9%), có người đảm nhiệm nghiên cứu chính đề tài và tham gia trợ giúp nghiên cứu như thu thập số liệu, tra cứu tài liệu, phân tích số liệu (19.3%) hoặc đảm nhiệm cả ba nhiệm vụ (Chủ nhiệm chính đề tài, trợ giúp nghiên cứu và thành viên hội đồng khoa học phê duyệt đề tài nghiên cứu khoa học) (3.6%), có người chưa thực hiện hay tham gia đề tài nghiên cứu khoa học nào (7.2%). Mặc dù vậy, tính bình quân mỗi người tham gia thực hiện khoảng 02 đề tài nghiên cứu khoa học (2.1 ± 1.6 , 0-7 đề tài). Các thông tin cá nhân người tham gia vào nghiên cứu được tóm tắt ở Bảng 1.

Bảng 1: Đặc điểm nhân khẩu học của mẫu nghiên cứu (N = 83)

Đặc điểm	N	%
Giới tính		
Nam	17	20.5
Nữ	66	79.5
Tuổi (năm) 39.4 - 5.5 (min - max = 28 - 55)		
Trình độ học vấn		
Cao đẳng	1	1.2
Đại học	30	36.1
Thạc sĩ	50	60.2
Tiến sĩ	2	2.4
Thâm niên công tác 11.6 - 4.3 (min - max = 4 - 25)		
Tình trạng hôn nhân		
Kết hôn	72	86.7
Chưa kết hôn/độc thân	5	6.0
Li hôn/Li thân/Góa bụa	6	7.2
Công việc chuyên môn đang đảm nhiệm		
Giảng dạy	64	77.1
Chuyên viên	19	22.9
Thời điểm được học/đào tạo về nghiên cứu khoa học		
Khi học ở trường cao đẳng/đại học	74	89.2
Khi về công tác tại nơi làm việc	9	10.8
Kinh nghiệm nghiên cứu khoa học		
Chủ nhiệm chính đề tài	58	69.9
Chủ nhiệm đề tài và trợ giúp nghiên cứu khác	16	19.3
Chủ nhiệm đề tài, trợ giúp và thành viên hội đồng phê duyệt đề tài nghiên cứu khoa học	3	3.6
Không thực hiện nhiệm vụ nào	6	7.2
Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học đã/đang thực hiện/tham gia		
2.1 - 1.6 (min - max = 0 - 7)		

2.8.2. Các rào cản thực hiện nghiên cứu khoa học

Các rào cản về cơ sở vật chất có điểm trung bình cao nhất ($3.62 \pm .74$) phản ánh sự tác động của các rào cản này lên việc thực hiện nghiên cứu khoa học của giảng viên ở mức cao; nghĩa là các nhà giáo đang gặp phải nhiều khó khăn nhất xuất phát từ thời gian dành cho nghiên cứu, nhân lực trợ giúp, cơ sở dữ liệu tham khảo, hệ thống thông tin, thư viện, kết nối các tập san cho công bố nghiên cứu...). Các khó khăn này đã cản trở họ hoặc làm giảm động lực tham gia thực hiện nghiên cứu khoa học. Các rào cản còn lại có tác động ở mức trung bình, lần lượt là rào cản nghề nghiệp ($3.39 \pm .69$), rào cản tài chính ($3.32 \pm .59$), rào cản cá nhân, rào cản quản lí - tổ chức ($3.31 \pm .69$ và $3.31 \pm .60$), rào cản về chuyên môn nghiệp vụ nghiên cứu khoa học ($2.76 \pm .83$). Tuy nhiên, rào cản về chuyên môn nghiệp vụ nghiên cứu khoa học có điểm trung bình thấp nhất, phản ánh những khó khăn xuất phát từ kiến thức, kinh nghiệm, kĩ năng, phương pháp nghiên cứu của các nhà giáo đã cản trở họ tham gia thực hiện nghiên cứu khoa học (xem Bảng 2).

Bảng 2: Phạm vi điểm (range), Trung bình (mean) và Độ lệch chuẩn (SD) của 06 rào cản đối với thực hiện nghiên cứu khoa học (N=83)

Các rào cản (số lượng câu hỏi/rào cản)	Tổng điểm				Trung bình điểm		Mức độ tác động của rào cản
	Phạm vi điểm theo thang đo	Phạm vi điểm thực tế	Mean	SD	Mean	SD	
Rào cản từ cá nhân (8)	8 - 40	8 - 38	26.48	5.57	3.31	.69	Trung bình
Rào cản về nghề nghiệp (6)	6 - 30	6 - 29	20.35	3.92	3.39	.65	Trung bình
Rào cản cơ sở vật chất (9)	9 - 45	16 - 44	32.60	6.69	3.62	.74	Cao
Rào cản về tài chính (7)	7 - 35	14 - 33	23.22	4.19	3.32	.59	Trung bình
Rào cản về chuyên môn nghiệp vụ nghiên cứu khoa học (9)	9 - 45	10 - 44	24.86	7.44	2.76	.83	Trung bình
Rào cản quản lý - tổ chức (12)	12 - 60	22 - 60	39.66	7.24	3.31	.60	Trung bình

Bảng 3: Mối tương quan giữa trình độ học vấn, công việc chuyên môn và các rào cản

	Rào cản cá nhân	Rào cản nghề nghiệp	Rào cản cơ sở vật chất nhân lực	Rào cản tài chính	Rào cản chuyên môn nghiệp vụ	Rào cản quản lý tổ chức
Trình độ học vấn	-.05	.02	-.003	-.082	-.289**	-.049
Công việc chuyên môn	.05	.113	-.002	.02	.228*	-.074

(*p < 0.05, **p < 0.01)

2.8.3. Mối tương quan giữa trình độ học vấn, công việc chuyên môn và các rào cản thực hiện nghiên cứu khoa học

Kết quả phân tích tương quan tuyến tính Pearson cho thấy trình độ học vấn và công việc chuyên môn giảng dạy có tương quan có ý nghĩa thống kê với nhóm rào cản chuyên môn nghiệp vụ, nhưng chiều hướng tương quan đối ngược nhau. Công việc chuyên môn chính có tương quan thuận với nhóm rào cản chuyên môn nghiệp vụ thì trình độ học vấn. Điều này có nghĩa là, người tham gia có trình độ học vấn càng cao thì mức độ nhận thức về tác động của rào cản chuyên môn nghiệp vụ càng ít đi ($r = -.289, p < .01$); trong khi đó đảm đương công việc chuyên môn (giảng viên, chuyên viên) khiến họ nhận thức nhiều hơn tác động của rào cản chuyên môn nghiệp vụ ($r = .228, p < .05$) (xem Bảng 3).

2.9. Bàn luận

Tất cả rào cản trong nghiên cứu đều được nhận biết có tác động đến việc thực hiện nghiên cứu khoa học của người tham gia từ mức trung bình đến cao, trong đó nhóm rào cản cơ sở vật chất, nhân lực ở mức cao. So sánh với kết quả công bố của Safdari và cộng sự [10], kết quả có sự tương đồng khi chỉ ra rằng, có sự tác động của các nhóm rào cản này đối với thực hiện nghiên cứu khoa học ở mức trung bình đến cao. Ngoài ra, hai nghiên cứu đều tìm thấy nhóm rào cản về chuyên môn nghiệp vụ nghiên cứu khoa học có tác động ở mức thấp nhất so với 05 nhóm rào cản còn lại. Phát hiện này phù hợp với kết quả phân tích dữ liệu rằng trình độ học vấn

và công việc chuyên môn có tương quan với nhóm rào cản chuyên môn nghiệp vụ, khi mà phần đông người tham gia có trình độ sau đại học, được học về phương pháp nghiên cứu khoa học, có trải nghiệm thực hiện ít nhất một đề tài nghiên cứu hoặc tham gia hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học.

Nghiên cứu hiện tại có số lượng người tham gia là nữ nhiều gấp ba lần nam, phần lớn có trình độ Thạc sĩ (60.2%) và Đại học (36.1%), thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và quản lý với khối lượng công việc chuyên môn chiếm hầu hết thời gian làm việc của họ, nên khiến họ không còn dành nhiều thời gian cho nghiên cứu khoa học. Ngoài các yếu tố về cá nhân, cơ sở vật chất của nhà trường phục vụ nghiên cứu khoa học còn rất hạn chế, thiếu cơ sở dữ liệu truy cập các nguồn tài liệu, thư viện khan hiếm đầu sách tham khảo, tập san khoa học, các bài báo toàn văn, việc phê duyệt cấp tư liệu, thiết bị, vật dụng phục vụ nghiên cứu khó khăn và tốn nhiều thời gian; thiếu lực lượng nông cốt tích cực cho công tác nghiên cứu trong nhà trường. So với nghiên cứu Safdari, người tham gia nghiên cứu có trình độ Tiến sĩ (24.5%) và Thạc sĩ (36.3%), với học hàm là Phó Giáo sư trở lên (62.8%) làm việc tại một trường đại học. Họ là những chuyên gia về nghiên cứu khoa học và công bố nghiên cứu nên vấn đề rào cản nổi bật không phải là rào cản cơ sở vật chất khác với nghiên cứu của chúng tôi là có cơ sở.

Từ những phát hiện về mức độ nhận thức tác động của các rào cản thực hiện nghiên cứu khoa học trong

ngghiên cứu này có thể nhận định rằng, thực tế hoạt động nghiên cứu khoa học tại đơn vị còn gặp nhiều trở ngại, số lượng cũng như sự đầu tư về chất lượng nghiên cứu chưa đúng mức. Điều này tương tự như những báo cáo nói trên [5], [13], các trường chủ yếu tập trung công tác đào tạo, giảng dạy hơn là đầu tư đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học.

Công tác chuyên môn như giảng dạy, các công việc hành chính như làm báo cáo, tuyển sinh và các công việc phát sinh trong tháng không theo kế hoạch... đã chiếm phần lớn thời gian và năng lượng của họ nên chưa dành quan tâm nhiều thời gian cho công việc nghiên cứu. Đây được cho là các rào cản nghề nghiệp có ảnh hưởng đến thực hiện nghiên cứu khoa học.

Rào cản nghề nghiệp đi kèm với yếu tố rào cản cá nhân, khiến cho động lực thực hiện nghiên cứu khoa học càng thu hẹp. Kết quả tác động của nhóm các rào cản cá nhân đã củng cố bằng chứng về ảnh hưởng của động cơ bên trong một cá nhân lên hoạt động nghiên cứu khoa học, thiếu quan tâm hoặc không quan tâm hoặc mất dần sự quan tâm vào việc tìm kiếm vấn đề nghiên cứu hay trau dồi kỹ năng nghiên cứu. Các nghiên cứu trước đây cũng kết luận điều tương tự, là các rào cản về quan tâm và kỹ năng làm nghiên cứu khoa học được nhận biết nhiều hơn so với rào cản khác [6], [10], [14]. Một số thảo luận cho rằng, việc định mức nghiên cứu khoa học quy đổi giờ chuẩn thấp theo quy định trong thông tư hiện hành chế độ làm việc nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. Điều này tạo ra ý nghĩ thực hiện công việc chuyên môn khác đã đáp ứng đủ giờ khoán quy định năm học mà không phải thực hiện nghiên cứu khoa học. Vì thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học đòi hỏi sự nghiêm túc tìm tòi tài liệu, xác định vấn đề cần nghiên cứu thiết thực cho cộng đồng, công đoạn thu thập số liệu, phân tích, viết báo cáo... Lâu dần, họ cảm thấy kỹ năng làm nghiên cứu của họ dần bị hạn chế. Rào cản về tài chính cũng được nhận biết có tác động đối với việc thực hiện nghiên cứu khoa học ở nghiên cứu hiện tại. Kinh phí hỗ trợ đề tài tại đơn vị hạn hẹp, các nhà giáo không đủ chi trả cá nhân cho triển khai thực hiện đề tài, từ đó giảm dần nhiệt huyết và từ bỏ làm nghiên cứu khoa học. Phát hiện này bổ sung vào bức tranh mô tả trở ngại do nguồn kinh phí hạn hẹp hay khả năng chi trả thấp cho nghiên cứu

khoa học của các công bố trước đây [6], [15], [16]. Điểm đáng quan tâm trong nghiên cứu này liên quan rào cản quản lý - tổ chức. Đó là câu hỏi khảo sát “áp đặt quan điểm cá nhân vào việc đánh giá và phê duyệt các kế hoạch và bài báo khoa học được trình bày trong hội đồng” và “cơ chế tạo động lực, khuyến khích và hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu... bởi các nhà quản lý hàng đầu chưa thỏa đáng” được nhận biết là rào cản quản lý - tổ chức có điểm số trung bình cao (3.27 ± 1.06 và 3.51 ± 1.01). Điều này dẫn đến sự e ngại báo cáo đề cương, đề tài của người nghiên cứu vì tâm lý liệu đề cương, đề tài này sẽ được duyệt hay đang bị phán xét định kiến. Thực tế, các hành động phù hợp khuyến khích nghiên cứu khoa học là rất cần thiết như thủ tục hành chính đơn giản hóa, quy trình quy định phê duyệt tài chính cụ thể, hạn chế áp đặt quan điểm cá nhân vào bình duyệt công trình báo cáo khoa học.

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy sự tác động của các nhóm rào cản lên việc thực hiện nghiên cứu khoa học của nhà giáo tại một trường đào tạo ngành nghề y tế trong ngữ cảnh thực tế của cơ quan đơn vị. Đây là thông tin quan trọng để các đơn vị đào tạo nghề y trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp cần ưu tiên giải pháp khắc phục về cơ sở vật chất hỗ trợ nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó, việc nâng cao năng lực nghiên cứu được xem là hoạt động thường xuyên tại nhà trường, chú trọng xây dựng kế hoạch bồi dưỡng tập huấn kiến thức và thực hành các phương pháp nghiên cứu khoa học cho các nhà giáo Giáo dục nghề nghiệp Y tế. Nhà trường cần nhấn mạnh trách nhiệm của bản thân nhà giáo với hoạt động nghiên cứu khoa học; Cải tiến và duy trì môi trường nghiên cứu, hỗ trợ nguồn lực cho nghiên cứu cũng cần đẩy mạnh nhằm tạo động lực nghiên cứu trong tập thể cán bộ giảng viên. Qua đó, khẳng định vai trò quan trọng của nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học sức khỏe, nhất là vai trò cung cấp chứng cứ xác thực cho thực hành y học.

Lời cảm ơn: Nhóm tác giả cảm ơn Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa và cán bộ giảng viên nhà trường đã hỗ trợ nhóm nghiên cứu được thực hiện thu thập số liệu thuận lợi góp phần hoàn thiện nghiên cứu này.

Tài liệu tham khảo

- [1] Aedh, A., & Elfaki, N. K. (2019), *Challenges confronting scientific research: A systematic review*, International Journal of Trend in Scientific Research and Development, 3(4), 1-3.
- [2] Murtonen, M., & Balloo, K. (2019), *Redefining scientific thinking for higher education: Higher-order thinking, evidence-based reasoning and research skills*, Switzerland AG: Springer Nature.
- [3] Ashrafi-Rizi, H., Fateme, Z., Khorasgani, Z. G., Kazempour, Z., & Imani, S.T, (2015), *Barriers to research activities from the perspective of the students of Isfahan university of medical sciences*. Acta informatica medica: AIM: Journal of the Society for Medical Informatics of Bosnia & Herzegovina, casopis Drustva za medicinsku informatiku BiH, 23(3), 155–159, <https://doi.org/10.5455/aim.2015.23.155-159>.

- [4] Nguyen, N. D., Nguyen, T. D., & Dao, K. T, (2021), *Effects of institutional policies and characteristics on research productivity at Vietnam science and technology universities*. Heliyon, 7(1), e06024, doi:<https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2021.e06024>.
- [5] Nguyen, Q., Klopper, C., & Smith, C, (2016), *Affordances, barriers, and motivations: engagement in research activity by academics at the research-oriented university in Vietnam*, Open Review of Educational Research, 3(1), 68-84, doi:10.1080/23265507.2016.1170627.
- [6] Pham V.T, (2021), *Psychological barriers to participating in scientific research activities of undergraduate students in Ho Chi Minh City, Vietnam*, International Journal of Social Science and Human Research, 04(08), doi:10.47191/ijsshr/v4-i8-25.
- [7] Nguyễn, M.Đ., Tô, T.K.H. & Nguyễn, T.T, (2020), *Các khó khăn để hoàn thành đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên đại học khối ngành Kinh tế tại Thành phố Hồ Chí Minh*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Văn Hiến, 7 (3), 105-119.
- [8] Kim, T.D.H, (2014), *Đổi mới phương thức quản lý tài chính theo hướng tự chủ nhằm khắc phục sự không tương thích giữa cấp phát tài chính và tiến độ thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [9] Phạm, T.L.A, (2013), *Khắc phục những vướng mắc trong chế độ tài chính với nghiên cứu khoa học trong các trường đại học ở Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ, Học viện Tài chính.
- [10] Safdari, R., Ehtesham, H., Robiaty, M., & Ziaee, N, (2018), *Barriers to participation in medical research from the perspective of researchers*. Journal of education and health promotion, 7, 22-22.
- [11] Youthao, S, (2017), *Medical statistics*. Bangkok: Chulapress.
- [12] Sousa VD, & Rojjanasrirat W, (2011), *Translation, adaptation and validation of instruments or scale for use in cross-cultural health care research: A clear and user-friendly guideline*. J Eval Clin Pract, 17(2), 268 - 74. doi:10.1111/j.1365-2753.2010.01434.x
- [13] Ngô, T.T.H. & Phạm, T.L.A, (10/02/2019), *Thảo gỡ khó khăn trong nghiên cứu khoa học tại các trường đại học Việt Nam*, Tạp chí Tài chính, <https://tapchitaichinh.vn/nghiencuu-trao-doi/thao-go-kho-khan-trong-nghiencuu-khoa-hoc-tai-cac-truongdai-hoc-viet-nam-302883.html>.
- [14] Lizarondo L, Grimmer-Somers K, Kumar S, (2011), *A systematic review of the individual determinants of research evidence use in allied health*, J Multidiscip Healthc, 4, 261-72.
- [15] Alqadi, H. A., & AbuAlhommos, A. K, (2020), *Intentions of and barriers to carrying out medical research among clinical pharmacy students: A cross-sectional study in the Eastern region of Saudi Arabia*, Journal of pharmacy & bioallied sciences, 12(4), 482-488.
- [16] Veziari, Y., Kumar, S., & Leach, M, (2021), *Barriers to the conduct and application of research among complementary and alternative medicine professions in Australia and New Zealand: A cross-sectional survey*, Complementary Therapies in Medicine, 60, 102752, doi:<https://doi.org/10.1016/j.ctim.2021.10>.

BARRIERS TO IMPLEMENTING SCIENTIFIC RESEARCH FOR VOCATIONAL EDUCATORS IN HEALTH PROFESSIONS: A CROSS-SECTIONAL STUDY AT KHANH HOA MEDICAL COLLEGE

Tran Thi My Tuyet¹, Nguyen Hoang My Thuyen*²

¹ Email: mytuyet2101@gmail.com

* Corresponding author

² Email: thuyen268@yahoo.com

Khanh Hoa Medical College
84 Quang Trung street, Nha Trang city,
Khanh Hoa province, Vietnam

ABSTRACT: *Obstacles to conducting scientific research in a vocational education field of health professions can inhibit the research activity deployment to achieve knowledge for training health personnel and providing health care services based on scientific evidence. This article focuses on determining the barriers to scientific research implementation among vocational educators in health professions and proposing solutions. Data was collected through a questionnaire using a 5-point Likert scale with six barrier dimensions and 51 questions, including individual barriers, professional barriers, facility barriers, financial barriers, scientific barriers, and managerial-organizational barriers. Results show their impact from medium to the high level, in which the facility barrier influences the highest and scientific barrier influences the lowest, reflecting the difficulties caused by the facilities and limits of knowledge, experience, and research skills that have hindered the vocational educators of health professions participating in scientific research. These findings suggest prioritizing facility investment and budget support for research activities as well as enhancing research competence for vocational educators.*

KEYWORDS: Barriers, scientific research, vocational education, health professions, skills.